



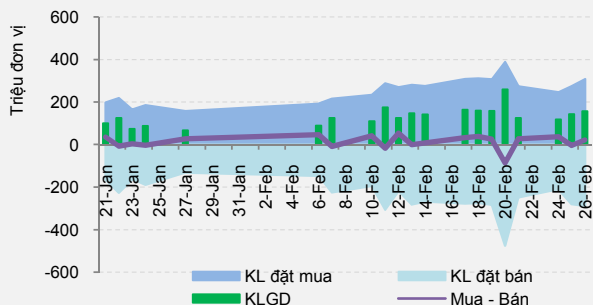
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 26/2/2014

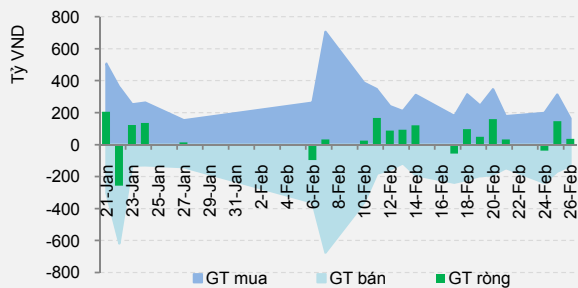
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	589.8	82.8
% Thay đổi	↑ 0.6%	↑ 0.7%
KLGD (CP)	157,200,690	93,331,849
GTGD (tỷ đồng)	2,711.93	906.15
Tổng cung (CP)	287,232,550	140,908,300
Tổng cầu (CP)	308,275,780	141,810,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,977,440	251,020
KL mua (CP)	4,952,060	766,230
GTmua (tỷ đồng)	166.66	12.11
GT bán (tỷ đồng)	130.89	4.55
GT ròng (tỷ đồng)	35.76	7.56

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 4.18%	9.3	2.1	6.3%
Công nghiệp	↑ 0.91%	345.1	1.3	20.8%
Dầu khí	↑ 0.64%	9.1	2.0	3.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.13%	15.3	2.2	1.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.58%	10.6	3.1	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.12%	13.5	4.9	9.4%
Ngân hàng	↑ 1.75%	14.4	1.4	10.0%
Nguyên vật liệu	↓ -0.50%	11.8	2.2	6.4%
Tài chính	↑ 0.70%	17.2	2.5	38.4%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.01%	11.9	4.3	3.9%
VN - Index	↑ 0.62%	14.6	3.1	75.0%
HNX - Index	↑ 0.66%	20.7	1.7	25.0%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	2,119,640	1.3%	4,106,430	2.6%
GTGD (tỷ VND)	58,786	2.1%	153,424	5.6%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Tâm lý nhà đầu tư thận trọng tại ngưỡng cản kỹ thuật (590 điểm của VN-Index, 83-84 điểm của HNX-Index) khiến thị trường dao động hẹp, tốc độ khớp lệnh chậm trong suốt phiên giao dịch sáng. Đà giảm giá tăng lên vào đầu phiên giao dịch chiều, diễn ra rộng khắp toàn thị trường, khi KQKD Q4 của SSI - cổ phiếu vốn được nhà đầu tư quan tâm đánh giá dòng tiền - không như kỳ vọng. Điểm tích cực là lực cầu giá thấp khá mạnh, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu Bluechips. Hai chỉ số Index đóng cửa tăng điểm, phục hồi khá mạnh so với mức thấp nhất. Khối lượng khớp lệnh duy trì ở mức cao, áp lực cung giá thấp không nhiều cho tín hiệu tích cực về dòng tiền.

Với phiên tăng điểm hôm nay, chỉ số VN-Index đã tiến sát ngưỡng cản kỹ thuật 590 điểm, tương đương mức mở rộng 78.6% của xu hướng tăng điểm từ cuối tháng 11/2012, chỉ số HNX-Index đã tăng cao hơn mốc đỉnh gần nhất đã thiết lập trong phiên giao dịch ngày 20/2, tiến sát ngưỡng cản kỹ thuật 83-84 điểm, tương đương mức mở rộng 161.8% của xu hướng tăng điểm từ cuối tháng 11/2012. Diễn biến giằng co dự báo sẽ tiếp nối trong phiên giao dịch ngày mai, với sự phân hóa cổ phiếu rõ ràng hơn. Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường tích cực, chúng tôi cho rằng mức độ thị trường điều chỉnh giảm không nhiều. Thị trường nhiều khả năng dao động tích lũy quanh ngưỡng cản kỹ thuật, trước khi tiếp tục xu hướng tăng.

Giai đoạn điều chỉnh tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý khi thị trường dự báo vẫn cần thời gian tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.

- Chỉ số VN-Index tăng 3.60 điểm (0.61%), lên 589.80 điểm, tương đương giá mở cửa. Mức thấp nhất VN-Index thiết lập trong phiên là 582.96 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.54 điểm (0.66%), lên 82.79 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất trong phiên là 81.71 điểm.

- Theo số liệu từ NHNN, lãi suất cho vay phổ biến đối với lĩnh vực nông nghiệp, xuất khẩu, DNNVV hiện ở mức 7-9%/năm. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác ở mức 9-11.5%/năm đối với cho vay ngắn hạn và khoảng 11.5-13%/năm đối với cho vay trung và dài hạn. Lãi suất huy động của các NHTM Nhà nước và một số NHTM khác ở mức thấp hơn trần lãi suất quy định của NHNN. Hiện mặt bằng lãi suất huy động phổ biến như lãi suất không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 1-1.2%/năm. Từ 1 đến dưới 6 tháng là khoảng 5-7%/năm và trên 12 tháng khoảng 7.5-8.5%/năm.

- Thanh khoản toàn hệ thống Ngân hàng tiếp tục dồi dào. Lãi suất liên Ngân hàng tiếp tục xu hướng giảm, lãi suất qua đêm hiện giảm xuống 1.4%, dù NHNN đã hút về gần hết khoản tiền cung ứng qua OMO thời điểm trước Tết Nguyên đán, cũng như đang đẩy mạnh hoạt động phát hành tín phiếu. Tăng trưởng tín dụng còn hạn chế khiến kênh trái phiếu đang là tâm điểm thu hút dòng tiền của NHTM, dù lãi suất trái phiếu tiếp tục xu hướng giảm dần.

- Với thực tế chỉ số CPI tháng 2 giảm mạnh so với cùng kỳ, động thái giảm lãi suất huy động, cho vay đang lan rộng trên toàn hệ thống Ngân hàng. Theo NHNN, nếu điều kiện tài chính thuận lợi, các TCTD có thể tiếp tục giảm lãi suất cho vay từ 1-2%/năm.



VN-INDEX

- Chỉ số VN-Index tăng 3.60 điểm (0.61%), lên 589.80 điểm, tương đương giá mở cửa. Mức thấp nhất VN-Index thiết lập trong phiên là 582.96 điểm.

- KLGD tăng 8% so với phiên trước, lên 153 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 76 điểm. Chỉ báo MACD 9 ngày tăng nhẹ trở lại lên trên đường tín hiệu.

Nhận định: Tâm lý nhà đầu tư thận trọng tại ngưỡng cản kỹ thuật 590 điểm khiến chỉ số VN-Index dao động hẹp, tốc độ khớp lệnh chậm trong phiên giao dịch sáng. Đà giảm giá tăng lên vào đầu phiên giao dịch chiều, diễn ra rộng khắp toàn thị trường, khi KQKD Q4 của SSI - cổ phiếu vốn được nhà đầu tư quan tâm đánh giá dòng tiền - không như kỳ vọng. Điểm tích cực là lực cầu giá thấp khá mạnh, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu Bluechips. Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng điểm, phục hồi khá mạnh so với mức thấp nhất. Khối lượng khớp lệnh duy trì ở mức cao, áp lực cung giá thấp không nhiều cho tín hiệu tích cực về dòng tiền.

Với phiên tăng điểm hôm nay, chỉ số VN-Index đã tiến sát ngưỡng cản kỹ thuật 590 điểm, tương đương mức mở rộng 78.6% của xu hướng tăng điểm từ cuối tháng 11/2012. Diễn biến giảm co dự báo sẽ tiếp nối trong phiên giao dịch ngày mai, với sự phân hóa cổ phiếu rõ ràng hơn. Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường tích cực, chúng tôi cho rằng mức độ thị trường điều chỉnh giảm không nhiều. Thị trường nhiều khả năng dao động tích lũy quanh ngưỡng cản kỹ thuật 590 điểm, trước khi tiếp tục xu hướng tăng.

Giai đoạn điều chỉnh tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý khi thị trường dự báo vẫn cần thời gian tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.

HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.54 điểm (0.66%), lên 82.79 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất trong phiên là 81.71 điểm.

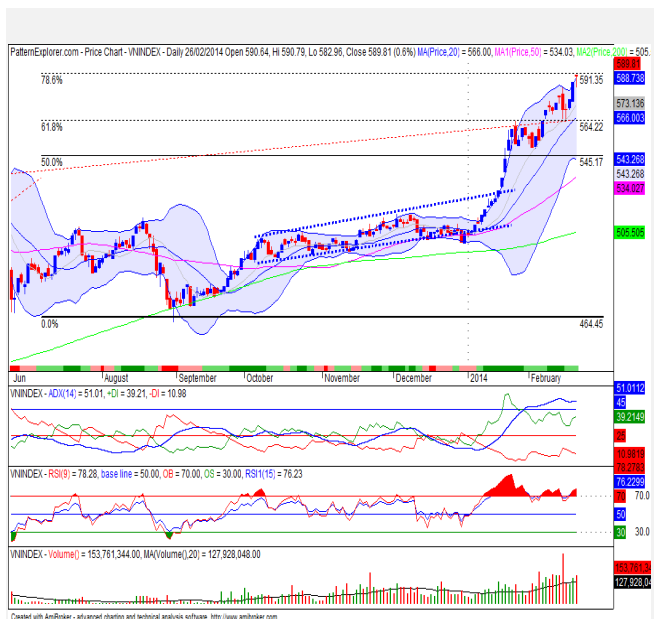
- KLGD giảm nhẹ 3%, xuống 90 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 78 điểm, tâm lý nhà đầu tư tích cực hơn. Đường MACD 9 duy trì khoảng cách phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Tâm lý nhà đầu tư thận trọng tại mức đỉnh gần nhất 82.86 điểm khiến chỉ số HNX-Index dao động hẹp, tốc độ khớp lệnh chậm trong phiên giao dịch sáng. Đà giảm giá tăng lên vào đầu phiên giao dịch chiều, diễn ra rộng khắp toàn thị trường. Điểm tích cực là lực cầu giá thấp khá mạnh, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu Bluechips. Chỉ số HNX-Index đóng cửa tăng điểm, phục hồi khá mạnh so với mức thấp nhất. Khối lượng khớp lệnh duy trì ở mức cao, áp lực cung giá thấp không nhiều cho tín hiệu tích cực về dòng tiền.

Chỉ số HNX-Index đã tăng cao hơn mốc đỉnh gần nhất đã thiết lập trong phiên giao dịch ngày 20/2, tiến sát ngưỡng cản kỹ thuật 84 điểm, tương đương mức mở rộng 161.8% của xu hướng tăng điểm từ cuối tháng 11/2012. Diễn biến giảm co dự báo sẽ tiếp nối trong phiên giao dịch tới, sự phân hóa cổ phiếu diễn ra rõ ràng hơn. Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường tích cực, chúng tôi cho rằng mức độ thị trường điều chỉnh giảm không nhiều. Thị trường nhiều khả năng dao động tích lũy quanh ngưỡng cản kỹ thuật 83-84 điểm, trước khi tiếp tục xu hướng tăng.

Giai đoạn điều chỉnh tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý khi thị trường dự báo vẫn cần thời gian tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.42
2	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.13
3	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.09
4	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.30
5	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.24
6	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.00
7	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	17.96
8	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	1.91
9	TC6	HNX	1187.01	-9.2%	97.17	1690.3%	4262.51	5.9%	59.07	34.3%	126.0%	4.38
10	TCS	HNX	1158.46	44.8%	147.27	1195.3%	3851.24	15.5%	48.96	9.9%	96.7%	7.02

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
2	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.24
3	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
4	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	48.99
5	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.33
6	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	4.84
7	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.00
8	VHG	HOSE	19.32	-44.2%	7.77	154.8%	186.59	10.9%	83.29	330.3%	-416.5%	0.36
9	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.95
10	HGD	HOSE	664.6	24.1%	40.44	-36.4%	1232.33	32.4%	97.85	320.9%	163.1%	6.29

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

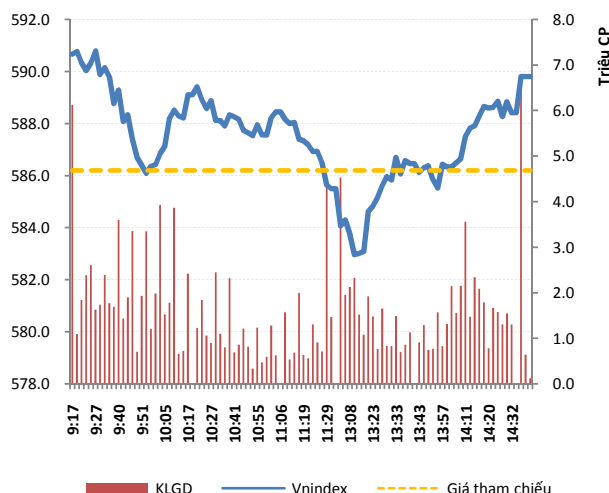
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.50
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.95
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	30.37
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.44
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.48
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.27
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.47
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.32
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.95
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.93

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 18/02/2014

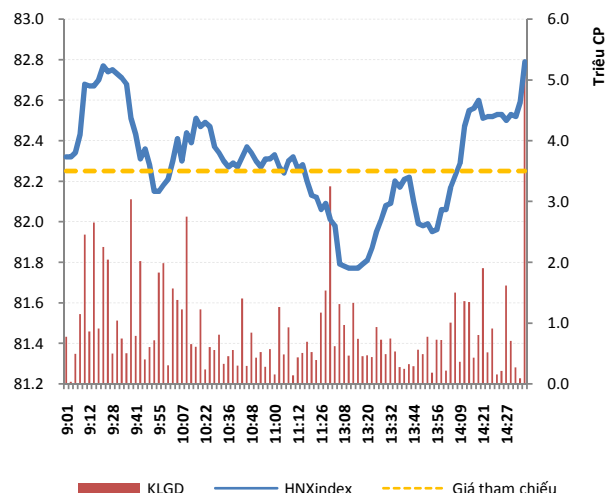


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

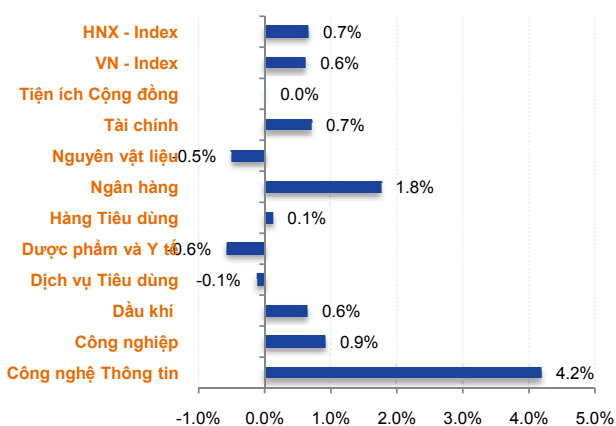
KLGD và VN-Index trong phiên



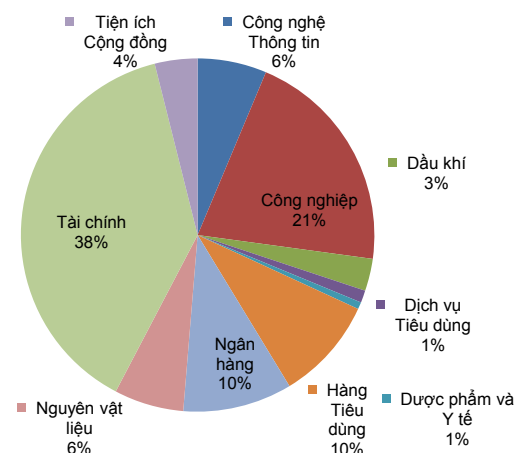
KLGD và HNX-Index trong phiên



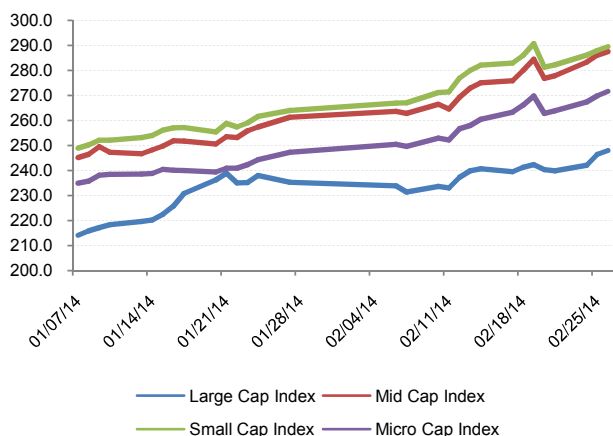
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



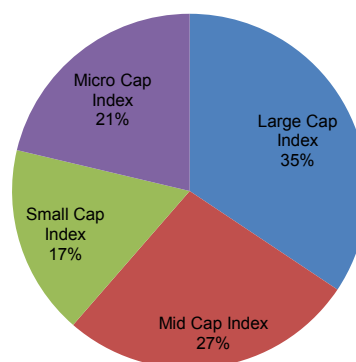
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	715,750	HAG	1,384,150
2	VCB	585,650	KBC	304,930
3	NBB	198,580	CTG	156,500
4	ITA	136,040	CLG	81,990
5	KDC	111,400	DRC	81,370

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	272,600	HLD	29,000
2	PVS	132,210	PVC	22,600
3	VCG	63,220	LBE	22,500
4	VND	55,500	KLS	20,000
5	KHL	40,000	VNF	10,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	11.0	11.7	↑ 6.36%	11,504,540
HAG	26.2	28.0	↑ 6.87%	10,961,580
SSI	26.8	26.9	↑ 0.37%	6,660,100
SAM	11.7	11.8	↑ 0.85%	6,211,550
ITA	7.7	7.7	→ 0.00%	6,178,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	9.1	9.6	↑ 5.49%	13,328,965
PVX	4.3	4.3	→ 0.00%	11,969,793
SHB	8.6	8.9	↑ 3.49%	10,431,146
KLS	11.9	11.7	↓ -1.68%	6,299,260
VCG	15.8	16.3	↑ 3.16%	4,757,420

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KHA	20.0	21.4	1.4	↑ 7.00%
BIC	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%
SVC	17.4	18.6	1.2	↑ 6.90%
HAG	26.2	28.0	1.8	↑ 6.87%
C47	22.0	23.5	1.5	↑ 6.82%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CTM	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
QST	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
TKC	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
TV2	19.1	21.0	1.9	↑ 9.95%
YBC	7.1	7.8	0.7	↑ 9.86%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	28.9	26.9	-2.0	↓ -6.92%
TLG	49.7	46.3	-3.4	↓ -6.84%
HU3	10.4	9.7	-0.7	↓ -6.73%
PNC	6.0	5.6	-0.4	↓ -6.67%
SVT	6.5	6.1	-0.4	↓ -6.15%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCV	3.1	2.8	-0.3	↓ -9.68%
DNC	10.8	9.8	-1.0	↓ -9.26%
AME	5.5	5.0	-0.5	↓ -9.09%
KTT	3.3	3.0	-0.3	↓ -9.09%
PGT	6.6	6.0	-0.6	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	11,504,540	7.9%	663	17.7	1.4
HAG	10,961,580	8.0%	1,372	20.4	1.6
SSI	6,660,100	9.9%	1,471	18.3	1.8
SAM	6,211,550	5.0%	922	12.8	0.6
ITA	6,178,800	0.7%	74	104.3	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	13,328,965	0.4%	53	181.1	0.6
PVX	11,969,793	-115.4%	(5,275)	-	2.1
SHB	10,431,146	7.6%	854	10.4	0.8
KLS	6,299,260	5.5%	716	16.3	0.9
VCG	4,757,420	10.0%	1,233	13.2	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KHA	↑ 7.0%	11.3%	2,558	8.4	0.9
BIC	↑ 6.9%	12.3%	1,460	9.5	1.2
SVC	↑ 6.9%	4.9%	1,609	11.6	0.5
HAG	↑ 6.9%	8.0%	1,372	20.4	1.6
C47	↑ 6.8%	13.7%	2,699	8.7	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CTM	↑ 10.0%	-12.6%	(1,290)	181.1	0.3
QST	↑ 10.0%	15.2%	1,793	6.7	1.0
TKC	↑ 10.0%	1.8%	242	22.7	0.4
TV2	↑ 9.9%	20.2%	3,982	5.3	1.0
YBC	↑ 9.9%	-94.4%	(4,398)	(1.8)	2.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	715,750	13.9%	1,522	11.1	2.0
VCB	585,650	10.3%	1,878	16.1	1.6
NBB	198,580	2.0%	924	31.1	0.8
ITA	136,040	0.7%	74	104.3	0.7
KDC	111,400	11.3%	3,040	19.4	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	272,600	7.6%	854	10.4	0.8
PVS	132,210	21.0%	3,568	8.5	1.7
VCG	63,220	10.0%	1,233	13.2	1.3
VND	55,500	10.8%	1,247	12.7	1.3
KHL	40,000	0.1%	13	261.2	0.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	162,970	40.8%	6,535	13.2	4.9
VNM	115,852	39.6%	7,839	17.7	6.6
MSN	73,491	3.0%	611	163.6	4.9
VIC	70,491	47.7%	7,380	10.5	4.0
VCB	70,218	10.3%	1,878	16.1	1.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,021	6.6%	886	18.4	1.2
PVS	13,624	21.0%	3,568	8.5	1.7
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	7,886	7.6%	854	10.4	0.8
VCG	7,200	10.0%	1,233	13.2	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	4.34	491.0%	(10,149)	-	(0.2)
CMT	3.17	7.1%	1,084	11.1	0.8
HVX	3.13	-7.7%	(703)	-	1.1
MHC	2.83	14.9%	1,154	6.2	0.9
HAX	2.72	2.8%	212	30.1	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ITQ	4.48	2.5%	266	22.2	0.6
QCC	4.34	1.9%	268	18.6	0.4
VDS	3.62	0.7%	44	102.4	0.7
HPC	3.60	5.5%	385	13.0	0.7
VCG	3.55	10.0%	1,233	13.2	1.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)